

KINH TẾ THẾ GIỚI

Một năm qua những thăng trầm

TS. NGUYỄN NGỌC ĐỊNH

Năm 2002, thế giới đã chứng kiến những bước thăng trầm của 3 nền kinh tế lớn nhất: Mỹ, châu Âu và Nhật Bản. Những động thái của các quốc gia này về các chính sách thuế, chính sách tài chính - tiền tệ đều có tác động rất lớn đến phần còn lại của thế giới. Chúng ta hãy bắt đầu chủ đề này từ nền kinh tế lớn nhất thế giới.

Kinh tế Mỹ

Vụ khủng bố ngày 11.9.2001 là điểm mốc bắt đầu cho một thời kỳ đầy khó khăn của kinh tế Mỹ. Bê bối tài chính liên tục xuất hiện (ở các tập đoàn Enron, Worldcom, Xerox,...), thị trường chứng khoán suy sụp, ngành hàng không chao đảo, thất nghiệp gia tăng (từ 4% năm 2000 lên 5,8% năm 2001 và tăng lên 5,9% vào tháng 7.2002), GDP của Mỹ tăng giảm thất thường theo từng quý. Trong quý III năm nay mức tăng tiêu dùng đạt 3,1% (cao hơn hai quý trước 1,9%). Đầu tư cá nhân đạt 10,7%, đây là mức thấp nhất kể từ năm 1982 đến nay, khả năng cạnh tranh của hầu hết các hàng hóa đều sụt giảm trong năm 2001 và mãi đến quý I.2002 thì tình trạng này mới kết thúc. Đầu tư của các doanh nghiệp cũng không có tín hiệu khả quan. Mức đầu tư vào ngành máy tính và các công cụ có liên quan chỉ còn ở mức 2,6% trong năm 2001 so với con số 40% của 5 năm về trước.

1. Cán cân thương mại:

Mặc dù mức thâm hụt năm 2001 đã giảm còn 393 triệu USD tức 3,9% GDP so với mức 4,2% GDP trong năm 2000. Trong 2 quý đầu năm 2002 tình trạng thâm hụt cán cân thương mại Mỹ vẫn tiếp tục xảy ra. Đến quý II năm 2002 mức thâm hụt trong cán cân thương mại đã lên đến 129,959 tỷ USD. Cao hơn quý I 17,505 tỷ USD. Tuy nhiên, nhờ mức thặng dư trong tài khoản vốn gần 80 tỷ USD nên đã làm cho cán cân thanh toán của Mỹ đã được cải thiện phần nào.

2. Nợ nước ngoài:

Các nhà đầu tư nước ngoài mua

trái phiếu chính phủ Mỹ trong năm 2001 tăng 2,6% đạt 1,04 ngàn tỷ USD. Trong 6 tháng đầu năm 2002 tỉ lệ này tiếp tục tăng khoảng 4,1%.

Chính sách tài khóa của chính quyền Bush có rất nhiều thay đổi sau thời Bill Clinton, mức thặng dư trong năm 2001 là 127 tỷ USD so với năm 2000 là 237 tỷ USD. Trong khi đó chính phủ lại giảm thuế để kích thích tăng trưởng kinh tế, chính điều này có thể làm cho mức thâm hụt càng trở nên trầm trọng hơn nếu nền kinh tế không tăng trưởng như dự báo.

3. Chính sách tài khóa-tiền tệ:

Theo quan điểm cơ bản của chính quyền Bush thì mục tiêu của chính sách này là cắt giảm thuế và tăng tiêu dùng kết hợp với việc giảm lãi suất để hỗ trợ cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, trong một bài phát biểu trước Ủy ban kinh tế của Quốc hội, ông Alan Greenspan lại cho rằng: "Việc kéo dài tình trạng giảm thuế không giúp cải thiện được tình trạng kinh tế, và hầu như nó không ảnh hưởng gì tới nền kinh tế", trong bản báo cáo của mình, Greenspan chỉ trích kế hoạch cắt giảm thuế của chính quyền Bush, ông nói: "Thị trường tài chính sẽ không chịu ảnh hưởng của kế hoạch cắt giảm thuế cố định trong thời gian dài mà thay vào đó chính phủ nên thường xuyên thông báo kế hoạch cắt giảm thuế trong ngắn hạn, điều này sẽ giúp kích thích kinh tế phát triển tốt hơn".

Đồng thời FED đã bơm một lượng tiền vào hệ thống tài chính tiền tệ nhằm duy trì tính thanh khoản của hệ thống tiền tệ quốc tế, nhằm hạn chế khả năng xảy ra khủng hoảng tín dụng, tạo điều kiện cho các tập đoàn kinh tế, các tầng lớp dân cư có khả năng tiếp cận nguồn tín dụng trong điều kiện khó khăn trước mắt.

Với những chính sách như trên thì mức cầu cho tiêu dùng cá nhân đã tăng lên đáng kể, các khoản cho vay phục vụ cho tiêu dùng và mua nhà liên tục tăng trong năm nay. Chính mức cầu của nền

kinh tế Mỹ vẫn tăng trong một số lĩnh vực nhất định nào đó nên quan điểm mà FED đưa ra để lý giải cho việc cắt giảm lãi suất của mình xuống 1,25% không phải nhằm kích thích kinh tế phát triển. Alan Greenspan lại không cho rằng nền kinh tế đang trong tình trạng suy thoái. Ông nói: "Không có bằng chứng nào nói rằng nền kinh tế Mỹ đang gia tăng suy thoái". Bây giờ chúng ta hãy chuyển sang nền kinh tế châu Âu.

Kinh tế châu Âu

Năm 2002 bắt đầu ở châu Âu bằng sự kiện hết sức quan trọng là tiền giấy euro đã chính thức được đưa vào lưu hành. Có khoảng 60 tỷ đồng tiền giấy gồm 7 loại với các mệnh giá 5, 10, 20, 50, 100, 200, 500 euro và khoảng 37 tỷ tiền xu gồm 8 loại 1, 2, 5, 10, 20, 50 cent và 1,2 euro, trị giá tổng cộng là 127,5 tỷ euro đã được phát hành trên khắp 12 nước thuộc khu vực Liên minh châu Âu. Đây là sự kiện chưa từng có trong lịch sử tài chính và tiền tệ thế giới. Trong suốt thời gian đó đồng euro đã trải qua những bước thăng trầm cùng tình hình kinh tế của khu vực.

1. Tài khoản vãng lai:

Nhìn chung trong khoảng từ năm 1999 đến 2001. Cán cân tài khoản vãng lai của hầu hết các nước châu Âu mở rộng đều liên tục thâm hụt trong ba năm liên tiếp, đặc biệt là năm 2000, cán cân tài khoản vãng lai thâm hụt cao nhất. Nguồn vốn FDI tiếp tục tăng mạnh năm nay phản ánh nhu cầu nội địa và mức nhập khẩu tăng. Tuy nhiên, cán cân vãng lai thâm hụt cao hơn năm 1999 là 2,18 lần, chủ yếu là do mức thâm hụt của các khoản chuyển giao đơn phương rất cao. Đây chỉ là tác động trong ngắn hạn vì nó không phải do tác động của các nhân tố nhạy cảm của nền kinh tế như lãi suất, tỉ giá hối đoái, lạm phát gây ra. Kể đó là sự thâm hụt trong cán cân thu nhập (thể hiện các khoản chi trả lợi nhuận, lãi vay và chi tiêu ra bên ngoài lớn hơn khoản thu vào).

Xuất khẩu (XK) các nước châu Âu

chiếm 19,5% kim ngạch thế giới, vượt qua Mỹ (15%) và Nhật (8,5%). Song năm 2000 cán cân thương mại giảm 41.68% so với 1999 do nhập khẩu (NK) tăng 29%. Tỷ trọng NK nguyên liệu thô chiếm 4% trong tổng NK, lớn hơn phần XK (1,7%). Giá dầu trên thế giới tăng (cuối 2000, giá dầu tăng lên 38 USD /thùng so với mức ổn định mà OPEC cố gắng giữ ở 25-28 USD /thùng). Trước biến động này, tỷ trọng ngành công nghiệp chế tạo và phương tiện giao thông vốn rất lớn (chiếm 66,6% kim ngạch XK của EU) sẽ giảm bớt, cụ thể là XK chỉ tăng 18,19% so với mức tăng 20% của NK.

Thương mại trên mạng của khu vực với các nước ngoài châu Âu được xúc tiến đầu tư làm cho doanh số bán và cán cân thương mại tăng kể từ năm 1999. Các ngành công nghệ cao tạo tốc độ tăng trưởng cho nền kinh tế các nước châu Âu. Nhờ đó cán cân thương mại vẫn thăng dư.

Bên cạnh đó sự ra đời của đồng Euro tạo nên sự năng động hơn trong các doanh nghiệp sản xuất, chi phí sản xuất giảm đã tạo động lực cho ngoại thương phát triển. Ngân hàng trung ương châu Âu (ECB) đã thực hiện các chính sách kích thích tiền tệ, cố gắng duy trì sự mất giá của euro, tạo động lực cho XK phục hồi, tạo nên sự ổn định của nền kinh tế, phát triển các ngành công nghiệp. Trên lý thuyết, khi tỷ giá hối đoái tăng tức là đồng nội tệ mất giá so với đồng ngoại tệ thì hàng hóa trong nước trở nên rẻ hơn tạo ra một lợi thế cạnh tranh cho hàng hóa trong nước, từ đó thúc đẩy XK, hạn chế NK làm cho cán cân thương mại có xu hướng thăng dư. Cụ thể trong nền kinh tế châu Âu, khi đồng euro liên tục mất giá đã làm cho cán cân thương mại của châu Âu được cải thiện từ 75,8 tỷ USD năm 1999 lên 84,9 tỷ USD trong vòng hai quý đầu năm 2002.

Ngoài ra, sự tăng trưởng ổn định của GDP thế giới (4,6%), sự tăng trưởng nền kinh tế Mỹ cùng với sự phục hồi kinh tế của các nước Châu Á sau cuộc khủng hoảng tài chính đã tạo điều kiện cho mậu dịch quốc tế thuận lợi hơn, tạo nên sự bùng nổ XK ở châu Âu năm 2001.

2. Tình hình đầu tư :



Chịu ảnh hưởng chung của toàn thế giới, dòng FDI của châu Âu đã sụt giảm trong năm 2001. FDI vào Châu Âu trong năm 2001 chỉ đạt mức 323 tỉ USD so với 808 tỉ USD của năm 2000. Đây là lần sụt giảm đầu tiên kể từ năm 1990. Tương tự như vậy dòng FDI từ châu Âu đầu tư sang các khu vực khác đã giảm từ 968 tỉ USD (năm 2000) còn 365 tỉ USD (năm 2001). Các nước Đức, Anh, Đan Mạch, Phần Lan là những nước có dòng FDI vào giảm khá mạnh trong năm 2001. Đối với dòng FDI vào các nước Anh, Đan Mạch, Phần Lan, Thụy Điển, Pháp là những nước giảm mạnh nhất.

Các dòng vốn FDI của châu Âu chủ yếu đầu tư tập trung vào các ngành dịch vụ như truyền thông và tài chính. Điều này cho thấy rằng, các thành viên châu Âu đã được lợi như thế nào trong thu hút đầu tư FDI của các nước thành viên khác bởi vì hầu hết các quốc gia châu Âu có nền kinh tế khá ổn định, môi trường kinh doanh khá tốt (do các qui định ràng buộc đối với các thành viên theo thỏa thuận của toàn EU). Bên cạnh đó, Mỹ đóng một vai trò quan trọng trong dòng vốn FDI của châu Âu. Mỹ vừa là nhà đầu tư lớn cũng là nơi thu hút FDI chủ yếu của châu Âu. Trong năm 2000 dòng FDI từ châu Âu vào Mỹ chiếm 74% trên tổng số 300.912 triệu USD đầu tư vào Mỹ, sang năm 2001, tỷ lệ này chỉ còn 48% trên tổng số 124.435 triệu USD. Trong khi dòng FDI của Mỹ đầu tư vào châu Âu là 40% (dòng FDI

đầu tư ra ngoài của Mỹ trong năm 2001 là 113.977 triệu USD).

3. Những tác động của kinh tế thế giới đến châu Âu:

Theo các nhà phân tích, khu vực châu Âu ít chịu ảnh hưởng bởi nền kinh tế Mỹ bởi châu Âu xuất khẩu sang Mỹ không vượt quá 3% GDP. Thế nhưng kể từ khi lưu hành euro, tốc độ tăng trưởng kinh tế vẫn duy trì ở mức trung bình 2,8% (1997-2000), thất nghiệp giảm 11,6% xuống 8,8%. Trên thực tế, châu Âu chịu ảnh hưởng tiêu cực ngoài dự đoán của các nhà phân tích. Đồng euro tăng giá so với USD gây khó khăn nhiều đến nền kinh tế của các nước châu Âu. Theo các nhà phân tích, euro tăng giá 10% làm GDP giảm 1%. Các ảnh hưởng trên do các nguyên nhân sau:

- Thị trường chứng khoán châu Âu trở về đúng thực chất của nó vì trước đây nó được định giá quá cao. Và ngày nay các thị trường chứng khoán có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Theo IMF 80% biến động giá cổ phiếu ở châu Âu được quyết định trong biến động giá của Mỹ.

- Mặc dù xuất khẩu của châu Âu vào thị trường Mỹ không đáng kể nhưng có rất nhiều nhà đầu tư châu Âu sở hữu chứng khoán của Mỹ. Nhiều công ty lớn tại Mỹ phải đương đầu với sự giảm sút của doanh số bán khoảng 20% (Quý I.2001). Theo Morgan Stanley, doanh số bán sản phẩm của các chi nhánh châu Âu đặt tại Mỹ cao gấp 4 lần so với doanh số sản phẩm xuất

khẩu sang Mỹ. Bên cạnh đó, các công ty còn chịu rủi ro về tỷ giá, lợi nhuận của họ bị giảm sút khi tính bằng euro do việc giảm giá của USD.

- Theo thống kê 6 tháng đầu năm 2001, tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm 0,6%, tỷ lệ lạm phát trung bình 3.1%, thất nghiệp tăng từ 8,8% (2000) lên 9.2% (2001). Đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm 30% so với 2000, số lượng dự án đầu tư giảm khoảng 900 dự án.

- Nền kinh tế của các nước dẫn đầu trong khu vực đồng euro giảm như tại Đức, Pháp, Ý. Đặc biệt là tại Đức, chỉ số niềm tin vào thị trường này giảm, tình trạng thất nghiệp tăng đáng kể 9,5%, lạm phát tăng, sức mua giảm.

Kinh tế Nhật Bản

Bây giờ chúng ta hãy chuyển sang một đầu tàu của kinh tế châu Á - Nhật Bản. Suy thoái kéo dài đã làm ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế thế giới đặc biệt là khu vực châu Á. Kết thúc năm tài chính 2001 vào tháng 3.2001, bước sang năm 2002 kinh tế Nhật vẫn chưa cho thấy dấu hiệu chắc chắn về khả năng hồi phục.

1. Khủng hoảng kinh tế tại Nhật:

Sau hơn một thập kỷ trì trệ và có những thay đổi nhỏ, Nhật Bản đang đứng trước bờ vực của cuộc khủng hoảng tài chính hoàn toàn. Vấn đề tranh cãi bây giờ là liệu chính phủ Nhật có thể lèo lái cơn khủng hoảng trước mắt hay thu hút thêm tiền đầu tư vào để vực dậy nền kinh tế Nhật Bản hay không. Chắc chắn sẽ có một sự xuống giá đáng kể của đồng Yên và cả trong giá chứng khoán Nhật.

Đối với đa số người dân Nhật, thấy trước sự biến động trong ngành ngân hàng và bảo hiểm, hơn 100.000 tỷ JPY đã chảy từ các ngân hàng yếu kém sang các hình thức khác như tiền mặt, vàng, các chứng khoán an toàn và vào 4 ngân hàng lớn vừa mới hợp nhất. Với khả năng thiếu tính thanh khoản trong thị trường tài sản, sự thay đổi của đồng tiền tiết kiệm, cùng với sự không ổn định trong thị trường vốn quốc tế có thể làm sụt giảm nhanh chóng thị trường tài sản. Và tất cả những thay đổi này có thể gây khó khăn về vốn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đồng thời gây khó khăn về tài chính cho chính phủ.

Vào đầu năm 2001, chính phủ Nhật đã có thể giải quyết cuộc khủng hoảng trước khi nó lan rộng. Thế nhưng không có hành động có tính chất quyết định nào được đưa ra kể từ khi nội các thủ tướng Koizumi lên nắm quyền vào tháng 4 năm 2001. Kinh tế Nhật có khả năng lâm vào khủng hoảng trước cuộc cắt giảm ngân sách vào tháng 12 năm 2002. Điều này có thể làm cho Nhật Bản dễ bị tổn thương. Giờ đây, Nhật Bản đang bị kẹp giữa một bên là giảm phát nợ, một bên là sụt giảm tài chính. Một khả năng có thể xảy ra là khả năng thanh toán nợ trở nên rõ ràng trong cân đối của chính phủ, đồng thời những hậu quả của nó có thể bị khuếch đại do những sai lầm trong chính sách. Khủng hoảng tài chính ở Nhật có thể không giống như Argentina về nguyên nhân, nhưng nó cũng đem lại một hậu quả nghiêm trọng cho nền kinh tế khu vực và thế giới.

Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng ở Nhật không phải là không tránh khỏi. Một kế hoạch trọn gói của chính phủ là đóng cửa và tái phân phối lại vốn ở các ngân hàng yếu kém, Ngân hàng Trung ương có thể tài trợ để mua lại trái phiếu chính phủ (GJB), đồng thời cắt giảm thuế có thể làm kinh tế Nhật vượt qua khó khăn trong giai đoạn này. Ngoài ra, sự gia tăng áp lực từ Mỹ và các nước khác có thể làm cho Nhật lựa chọn một chính sách phù hợp. Những chính sách trên có thể đúng đắn và hợp lý, nhưng đã không có một chính sách phù hợp nào được đưa ra cho đến khi cuộc khủng hoảng tác động vào kinh tế Nhật Bản và do đó sẽ quá trễ để đưa ra bất kỳ hành động nào.

2. Dự báo về khả năng hồi phục:

Một sự hồi phục vừa phải được dự đoán cho những tháng còn lại của năm 2002 và năm 2003, mặc dù nó vẫn chịu đựng những rủi ro không thuận lợi. Tuy nhiên, vấn đề cơ bản ở Nhật vẫn tiếp tục là làm thế nào để đạt được một tỉ lệ tăng trưởng sản xuất, và chấm dứt một tình hình yếu kém sau hơn một thập kỷ kéo dài. Điều này không thể chỉ giải quyết đơn thuần bằng những chính sách kinh tế vĩ mô mà còn cần kết hợp với những hành động có tính chất quyết định. Hành động có tính chất quyết định là ở lĩnh vực ngân hàng, cần phải chấm dứt vòng luẩn quẩn mà phần lớn là nợ không trả được

khiến ngân hàng không thể cho vay, làm tổn thương những tổ chức tài chính trung gian, và do đó sẽ lại tạo nên những khoản nợ không trả được thay thế cho những khoản đã được xóa bỏ.

Mọi thứ đã trở nên ổn định từ đầu năm 2002. Tài khoản thu nhập quốc gia sửa đổi chỉ rõ các hoạt động đang tăng vừa phải trong nửa năm qua, được củng cố bởi xuất khẩu ròng, trong khi cầu nội địa vẫn tương đối thấp. Những chỉ số gần đây chỉ ra rằng đầu tư trong doanh nghiệp có khả năng bắt đầu hồi phục vào cuối năm 2002, mặc dù bán lẻ vẫn còn tăng chậm, mức độ ỉa ch vẫn còn khá cao, giảm phát khoảng 1% / năm vẫn còn, làm gia tăng gánh nặng nợ thực tế. Suy giảm vẫn tiếp tục, với giá cổ phiếu giảm thấp kể từ khởi điểm và giá đất tiếp tục hạ, tiếp tục đặt áp lực cho cân đối của ngân hàng.

GDP thực sẽ giảm 0,5% trong năm 2002 trước sự hồi phục vừa phải vào khoảng 1% vào năm 2003. Điều này dự đoán sự hồi phục từ trong cầu nội địa, với mức tiêu thụ tăng trưởng vào một thời gian nào đó trong năm 2002 và đầu tư của doanh nghiệp hồi phục trở vào cuối năm. Tuy nhiên, sự đóng góp của xuất khẩu ròng được kỳ vọng sẽ yếu đi khi mà sự gia tăng trong cầu nội địa sẽ nâng xuất khẩu và sự tăng giá của đồng Yên sẽ làm giảm sự cạnh tranh. Chi tiêu cá nhân cao được bù trừ từng phần bởi sự củng cố của tài chính, cùng với sự suy giảm đầu tư của chính phủ trong những tháng cuối năm 2002 khi chi tiêu chính phủ đang ở cuối quá trình kích thích tài chính. Trong khi đó, cơ cấu thâm hụt tài chính năm 2003 được dự đoán là sẽ giảm khoảng 1% GDP, một vài suy giảm sẽ được bù trừ bởi cắt giảm thuế.

Nền kinh tế có thể hồi phục nhanh hơn (đặc biệt là nếu nền kinh tế toàn cầu mạnh mẽ hơn), song rủi ro đi xuống vẫn còn nhiều. Đánh giá cao gần đây đối với đồng Yên làm nổi bật tính nhạy cảm của sự hồi phục đối với những yếu tố ảnh hưởng bên ngoài, bao gồm sự đánh giá cao hơn hay sự hồi phục yếu kém của nền kinh tế toàn cầu. Sự sụt giảm xa hơn của giá cổ phiếu có thể bị ảnh hưởng bằng việc mất lòng tin và sẽ thổi thêm một luồng gió vào sự khó khăn về vị thế tài chính của ngân hàng vốn đang bị yếu đi bởi sự tăng trưởng chậm và giảm giá tài sản ■